

# GIỚI TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA TRÍ THỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN QUỚI\*

## I - NHẬN ĐỊNH KHÁI QUÁT

### 1. Về số lượng và cơ cấu:

Thành phố Hồ Chí Minh có lực lượng trí thức có trình độ đại học và trên đại học khoảng 50.000 người. Số lượng này bằng 1/6 của cả nước, và có phần nhiều hơn so với thủ đô Hà Nội. Đội ngũ này phát triển với tốc độ rất mạnh trong 14 năm qua - tăng 2,5 lần. Tuy nhiên, đây không thuần là tốc độ gia tăng “nội tại”, mà một phần đáng kể là do sự di động cơ học của lực lượng trí thức từ các nơi khác trong nước đến : 37% từ miền Bắc vào, 17% ở miền nam từ trước 1975 và khoảng 45% được đào tạo sau 1975.

Giới trí thức thành phố Hồ Chí Minh là một tập hợp thuộc nhiều nguồn đào tạo, từ hơn 30 nước, thuộc cả hai hệ thống, xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Về phân cấp quản lý, có 2/3 thuộc các cơ quan trung ương. Nếu không kể bộ phận ở các đơn vị sản xuất, lực lượng trí thức thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đang tập trung ở 30 Viện và Phân Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật, gần 10 trung tâm nghiên cứu và trên 10 trường đại học. Về tổ chức xã hội - ngành nghề, từ tháng 1.1986 Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã được thành lập, đến nay có hơn 10 Hội khoa học kỹ thuật chuyên ngành đã chính thức đi vào hoạt động.

Về cơ cấu ngành nghề, chúng tôi không có số liệu chính xác. Một tài liệu do Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật ấn hành năm 1989 (dựa theo tài liệu thống kê 1982) cho biết, trong tổng số lực lượng khoa học và kỹ thuật ở thành phố này có 24% thuộc khoa học tự nhiên, 39% thuộc khoa học kỹ thuật và 37% thuộc khoa học xã hội. Tuy nhiên, nguồn thông tin này không cho biết các tỷ lệ đó có bao gồm cả thành phần trung cấp và công nhân kỹ thuật (khoảng 65.000 người) hay không. Dù sao, có thể nhận định khái quát rằng, hiện nay có sự chênh lệch khá xa về tỷ lệ giữa cán bộ khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên với cán bộ khoa học xã hội. Nếu so với yêu cầu phát triển, lực lượng khoa học tự nhiên vẫn chưa đủ, lực lượng khoa học kỹ thuật còn thiếu rất nhiều, còn lực lượng khoa học xã hội thì quá thiếu. Một tình hình nổi bật nữa là, tỷ lệ những người có trình độ phó tiến sĩ trở lên so với số người có trình độ đại học còn rất thấp.

---

(\*) Cán bộ nghiên cứu Xã hội học, Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, đội ngũ trí thức thành phố Hồ Chí Minh còn yếu về số lượng, thiếu các chuyên gia đầu ngành, và thiếu đồng bộ trong cơ cấu ngành nghề.

Đặc điểm chính trị của giới trí thức thành phố Hồ Chí Minh cũng mang tính chất đa dạng và không đơn giản. Có một bộ phận khá đông gồm những đại biểu của nhiều thế hệ trí thức giác ngộ và tham gia cách mạng ở nhiều thời kỳ khác nhau. Trong số trí thức sống ở miền nam trước 1975, có nhiều người đứng vào hàng ngũ cách mạng hoặc có lập trường cách mạng và đã từng đóng vai trò “châm ngòi” cho các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng. Một số khác, tuy không được sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức cách mạng, nhưng có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa (không cộng sản) trong tư tưởng và cả trong hành động. Một bộ phận không ít gồm những người trí thức có cảm tình với cách mạng và ủng hộ cách mạng “trong thâm lặng”.

Bộ phận trí thức tôn giáo ở thành phố có một vai trò đáng chú ý. Bộ phận này có sự phân hóa về mặt chính trị - phản ánh tình hình chia rẽ trong bản thân các tôn giáo: mỗi tôn giáo đều phân biệt ra thành nhiều giáo phái, tông phái. Nhưng điều đáng chú ý là các đại biểu trí thức tôn giáo thường có khối “quần chúng” của họ.

Bên cạnh tôn giáo là đảng phái. Miền Nam Việt Nam chưa bao giờ có nhiều đảng phái chính trị như trong giai đoạn 1954 - 1975. Và tình hình đó đã làm cho đặc điểm chính trị của giới trí thức cũng trở nên không đơn giản.

Trước 1975, giới trí thức phải chịu quá trình “quân sự hóa” cưỡng bức. Sau 1968, hầu hết trí thức trẻ, ngay sau khi tốt nghiệp đại học đều bị gọi nhập ngũ. Có những ngành, như ngành y chẳng hạn, rất ít người được đứng ngoài quân đội.

Có thể nói bộ phận trí thức ở miền Nam trước đây trong một thời gian dài đã bị giằng xé bởi nhiều thế lực: nhà cầm quyền, tôn giáo, đảng phái, quân đội v.v... Nhưng dù bị lôi kéo vào cương vị nào chăng nữa - là viên chức, bay sĩ quan, chức sắc tôn giáo, nhà chuyên môn - phần đông trí thức Sài Gòn nói riêng và trí thức miền Nam nói chung đều cố gắng giữ bản sắc của mình. Phải thừa nhận rằng giới trí thức đã có những đại biểu nổi bật tham gia vào lực lượng đối lập, có những đóng góp đáng kể trong giai đoạn 1954 - 1975). Nhiều người trong số này về sau đã tham gia vào “lực lượng thứ ba” và sau giải phóng họ vẫn tiếp tục có vai trò chính trị xã hội tích cực.

## **2. Phân tích chất lượng và đặc điểm.**

Trải qua nhiều biến động lịch sử, giới trí thức ở thành phố Hồ Chí Minh luôn luôn tỏ rõ một tinh thần dân tộc sẵn sàng, một lòng yêu nước nồng nàn. Từ sau năm 1975 phần đông trí thức đã thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, ý chí phấn đấu tự lực tự cường, nỗ lực vượt qua khó khăn trong đời sống và trong công tác chuyên môn. Đa số anh chị em đều có tinh thần ham học hỏi, quan tâm tìm tòi để tiếp thu khoa học kỹ thuật của thế giới. Đặc biệt họ rất nhạy bén, năng động và sáng tạo trong việc ứng dụng kỹ thuật mới.

Trong thành phần trí thức trung niên và lớn tuổi- đặc biệt là những người được đào tạo và trưởng thành ở những nước có môi trường công nghiệp phát triển, hiện đại ít nhiều đã được tiếp cận với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lớn thứ hai - có những khuôn mặt tiêu biểu, xuất sắc. Một số nhà khoa học có trình độ lý thuyết giỏi, hoặc là những chuyên gia giàu kinh nghiệm. Số trí thức này tuy không nhiều, nhưng đã có những đóng góp quan trọng vào việc giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Họ đang làm tốt vai trò đầu ngành, tỏ ra có đủ năng lực đào tạo hoặc đỡ đầu cho một số trí thức trên đại học ở trong nước. Trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng

tạo, một số người đạt trình độ ngang tầm cỡ quốc tế và đã có những công trình nổi tiếng thế giới. Số trí thức đầu ngành này có uy tín lớn trong giới trí thức và trong đông đảo quần chúng.

Bộ phận trí thức trẻ, chiếm tỷ lệ đông đảo, phần lớn được đào tạo và trưởng thành trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiều người không được đào tạo chính qui, chỉ tốt nghiệp hệ ngắn hạn hoặc tại chức. Một số khác, do những khó khăn của đời sống, kinh tế và xã hội, không thể tiếp tục con đường học vấn của mình. Những biến động kinh tế - xã hội sâu sắc trong thời gian qua đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành thế hệ trí thức trẻ ở thành phố. Tuy nhiên chúng ta thấy vẫn có nhiều anh chị em còn nuôi dưỡng được hoài bão chuyên môn và lý tưởng xã hội tiến bộ, giàu nhiệt tình trong công tác và say mê khoa học kỹ thuật. Họ rất nhạy bén trong việc tiếp thu khoa học hiện đại, năng động trong việc đổi mới kỹ thuật. Đặc trưng nổi bật của lớp trí thức trẻ là tinh thần xung kích, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Một số người có khả năng sáng tạo ngay trong thời kỳ còn đang học tập. Một số người khác đã trưởng thành nhanh chóng và chứng tỏ khả năng đảm nhận được những công trình lớn.

Về những thành tựu trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật, trong những năm gần đây ở thành phố Hồ Chí Minh trung bình mỗi năm có khoảng 8.000 đến 10.000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật và công trình nghiên cứu được áp dụng, đã đem lại những hiệu quả nhất định. Năm 1985, thành phố Hồ Chí Minh có 90 cá nhân được Tổng Công đoàn Việt Nam tặng danh hiệu "Lao động sáng tạo". Trong ba năm, từ 1981 đến 1986, đã có 107 giải "Tuổi trẻ sáng tạo" được trao cho anh chị em trí thức trẻ thành phố có công trình đạt hiệu quả tốt. Năm 1987, Ủy ban khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư kinh phí 127.939.000 đồng cho 312 đề tài nghiên cứu. Theo đánh giá của Ủy ban này, hiệu quả đầu tư nghiên cứu tăng 16 lần. Có một số đề tài nghiên cứu, khi đưa vào sản xuất, đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Thế nhưng, nhìn chung, số đề tài nghiên cứu thành công được áp dụng vào sản xuất vẫn còn ít. Có thể nói nghiên cứu khoa học kỹ thuật đang mất cân đối so với yêu cầu kinh tế xã hội. Nhu cầu phát triển của thành phố đang đặt ra nhiều vấn đề mà giới trí thức chưa đáp ứng kịp- và khó có triển vọng đáp ứng nổi. Nhiều cơ quan khoa học chỉ mới đưa ra được những công trình tản mạn, vụn vặt chưa đạt được những kết quả tương ứng với tầm vóc của mình. Công tác nghiên cứu ứng dụng thì còn yếu kém và không có hiệu quả đồng đều. ngay cả nhiều thành tựu kỹ thuật của thế giới đã đạt được từ những thập niên trước đây, mà đến nay chúng ta vẫn còn chưa đủ khả năng và trình độ ứng dụng. Khoa học, kỹ thuật của chúng ta chưa có những đóng góp quan trọng vào ba chương trình kinh tế lớn đã đề ra. Đó là ấn tượng nổi bật khi nhìn vào chất lượng và thực lực của giới trí thức khoa học, kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh. Đi sâu vào tìm hiểu mặt yếu và những hạn chế của đội ngũ này, chúng tôi còn thấy một số nét lớn sau đây:

- Trước hết, đó là sự yếu kém về số lượng và sự bất hợp lý trong cơ cấu ngành nghề. Trong khi đó, nguồn bổ sung giới trí thức trong nhiều năm qua rất hạn hẹp, do tốc độ đào tạo thấp và ngày càng giảm dần.

- Thứ hai, chất lượng đào tạo chưa phù hợp với những yêu cầu của giai đoạn mới. Do đó trình độ của thành phần trí thức trẻ quá thấp, không đủ khả năng nắm bắt được những thành tựu mới nhất, không đuổi kịp đà phát triển khoa học - kỹ thuật trên thế giới.

-Thứ ba, năng lực sáng tạo của trí thức khoa học kỹ thuật ở thành phố Hồ Chí Minh còn chưa được thể hiện rõ rệt. Với một sự hiểu biết còn hạn hẹp, chúng tôi cho rằng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của chúng ta chỉ mạnh ở mức độ thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật quan trọng ít khả năng đạt đến những phát minh, sáng chế. Một vài số liệu sau đây có thể phần nào minh họa cho nhận định đó. Trong vòng 5 năm qua có 235.000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được công nhận và áp dụng ở 11 bộ, ngành và 2 tỉnh, thành phố. Nhưng tính đến nay, trên cả nước chỉ có 37 sáng chế được cấp bằng-một con số khó có thể lạc quan được. Tình hình này trước hết là do đội ngũ trí thức của ta còn ít những nhà báo học, chuyên gia đầu ngành. Chúng ta đang bị những “màng trống” về cán bộ lý thuyết - tức là những nhà khoa học có chức năng định hướng thiết kế hoạt động, chỉ đạo và quản lý công tác khoa học kỹ thuật ở trình độ cao. Mặt khác số chuyên gia đầu ngành hiện có đã và đang bị “lão hóa” kiến thức (do thiếu thông tin, ít được bồi dưỡng những kiến thức mới, ít được tu nghiệp, trao đổi khoa học, tham dự các hội nghị quốc tế chuyên ngành v.v...). Ở một bộ phận trí thức chất xám của họ đã bị “hao mòn vô hình” đến độ phần lớn đã trở nên mất tác dụng. Lớp trí thức trẻ ít tự bồi dưỡng để vươn lên, chậm được đào tạo ở bậc trên đại học và sau đại học nên đa số thiếu sự trưởng thành chuyên môn, thiếu sự chín muồi trí tuệ, trong khi đó “độ tuổi sáng tạo” của họ cứ mỗi ngày một qua đi.

- Thứ tư, xu hướng viên chức - hành chính hóa đã và đang lũng đoạn, làm suy yếu giới trí thức với tư cách là một lực lượng sản xuất trực tiếp. Nhiều người vì những lợi ích thực dụng của cá nhân, sau khi tốt nghiệp đại học sẵn sàng từ bỏ chuyên môn, thoát ly khoa học kỹ thuật để nhận một công việc hành chính sự vụ ở các cơ quan hành chính, chính quyền hoặc những công việc không đòi hỏi trình độ chuyên môn của họ. Cùng với xu hướng tiêu cực đó là tình trạng bố trí công tác trái ngành nghề (tự nguyện hoặc không tự nguyện) đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Hai thực trạng này, - có thể được gọi chung bằng khái niệm “sự thất thoát hữu hình” - đang làm suy giảm nghiêm trọng tiềm lực của trí thức nước ta.

- Thứ năm, giới trí thức của chúng ta thiếu sự trưởng thành về mặt chính trị - xã hội. Trong suốt nhiều chục năm qua, chức năng chính trị - xã hội của giới trí thức thường bị giản lược thành chức năng minh họa đường lối chính sách của Đảng. Chức năng phê phán và phản biện không có điều kiện thể hiện trên thực tế. Người trí thức chỉ được nhìn nhận trên vai trò của người thừa hành về mặt chuyên môn và một viên chức theo khuôn phép. Trong cái khuôn phép đó, người trí thức không thể nào trưởng thành được cả về mặt chính trị - xã hội lẫn mặt chuyên môn.

Ngoài những điểm vừa nêu trên, giới trí thức của chúng ta còn bộc lộ một số nhược điểm về tâm lý - tinh thần khác nữa. Họ ít nhiều thiếu khiêm tốn và thường quá thừa tự ái. Do đó, giữa những người cùng ngành, cùng nghề thường đánh giá nhau thiếu khách quan, dễ va chạm nhau trong quan hệ công tác. Họ thiếu tinh thần đoàn kết và tinh thần hợp tác; không chịu học hỏi nhau và bổ sung cho nhau; giữa trường phái này và trường phái kia có thái độ không tôn trọng nhau, không nhìn nhận nhau trên tinh thần khoa học; đầu óc cục bộ phe cánh rất nặng nề. Giữa bộ phận trí thức ở miền Bắc vào và bộ phận trí thức tại chỗ vẫn còn bị chia cách nhau bởi một hàng rào tâm lý chưa thấy có dấu hiệu sẽ được hoàn toàn gỡ bỏ trong một tương lai gần.

## II - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

### 1. Sử dụng và đãi ngộ trí thức.

Trong những năm sau giải phóng do hoàn cảnh lúc đó và do những hạn chế trong quan điểm sử dụng trí thức của việc bố trí công tác cho anh chị em trí thức tại chỗ chỉ mang tính chất giải quyết thất nghiệp, chứ chưa phải là sử dụng thực sự như một lực lượng khoa học kỹ thuật, tình trạng tạm thời này bị kéo khá dài. Đối với thành phần từ các nơi khác đến nhiều người từ bỏ chuyên môn để nhận những vị trí công tác mới có chức quyền và thu nhập cao. Đối với thành phần trẻ tình hình cũng như vậy. Hậu quả là khi nhìn vào giới trí thức chúng ta thấy một bức tranh hỗn độn của tình trạng trái ngành, trái nghề. Nếu không ngăn chặn hiện tượng “thất thoát hữu hình” này thì chúng ta sẽ còn tiếp tục chịu những tác hại rất lớn.

Hiện nay khu vực trực tiếp sản xuất đang thiếu nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật nhất là trong nông nghiệp và các cơ sở sản xuất thuộc khu vực kinh tế tập thể (tính chung trên cả nước, chỉ có 1% cán bộ có trình độ đại học làm việc trong khu vực này).

Một số không ít trí thức trẻ đã tốt nghiệp từ nhiều năm qua vẫn chưa được phân công. Ở đây bộc lộ tính chất bất hợp lý và thiếu kế hoạch chặt chẽ trong mỗi quan hệ đào tạo sử dụng. Chúng ta cũng, đang thiếu một qui chế tuyển dụng thật hợp lý, thật khoa học; thiếu một qui chế sử dụng cán bộ trẻ để tạo điều kiện cho họ khẳng định và phát huy năng lực, nhiệt tình, hoài bão.

Công tác nghiên cứu, giảng dạy khoa học kỹ thuật hiện nay đang gặp hai khó khăn lớn là quá thiếu trang thiết bị, nguyên vật liệu, và đói thông tin.

Vấn đề tiền lương và chính sách đãi ngộ đối với lao động chất xám, là đề tài đã được nhắc đi nhắc lại quá nhiều lần trên báo chí và dư luận xã hội. Ở đây chúng ta chỉ xét đến mặt hệ quả của chính sách. Chỉ tính riêng ở các bệnh viện, trạm y tế của thành phố Hồ Chí Minh trong 4 tháng đầu năm 1988, có 500 người xin thôi việc. Giáo dục là lĩnh vực có được quan tâm về mặt đời sống, thế nhưng trong tháng 9-1988 là lúc thành phố có những trợ cấp đặc biệt cho giáo viên - có 469 người xin thôi việc hoặc tự ý bỏ việc. Riêng học kỳ 1 niên khóa 1987-1988, ở thành phố có tới 1.806 giáo viên xin thôi việc (trong khi đó số giáo viên được đào tạo trong năm 1987 chỉ có 1.520 người). Nói chung, do tình hình đời sống vật chất quá tồi tệ, một tình trạng uể oải, thiếu sinh khí đang bao trùm lên hoạt động lao động chất xám và đời sống tinh thần của người trí thức.

### 2. Về một số chủ trương chính sách đối với trí thức.

Trên nguyên tắc, quan điểm của Đảng xem trí thức là vốn quý của dân tộc, và cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt để đưa đất nước tiến lên. Nhưng trên thực tế, các chủ trương chính sách đối với trí thức và khoa học, kỹ thuật chưa thể hiện được, thậm chí lắm khi trái ngược với quan điểm này.

Chúng ta chưa có những chính sách thật đúng đắn nhằm thực hiện chủ trương đoàn kết, tập hợp trí thức thuộc các nguồn khác nhau. Thái độ nghi kỵ ở nhiều cơ quan đơn vị và nhiều cán bộ lãnh đạo vẫn còn kéo dài sau 14 năm sử dụng trí thức cũ. Ngoài ra còn có nhiều chính sách, chế độ mang tính chất phân biệt đối xử (như trong vấn đề công nhận các văn bằng, học hàm, học vị cũ, trong việc phong học hàm, học vị mới, trong vấn đề tính thâm niên, lương hưu v.v...) khiến cho việc đoàn kết, tập hợp

trí thức vốn đã khó lại càng thêm khó: việc huy động tài năng và nhiệt tình đóng góp của anh chị em trí thức tại chỗ gặp nhiều vướng mắc, trở ngại.

Trong chính sách tiền lương, lao động khoa học bị xếp vào loại hành chính sự nghiệp, và trên thực tế được trả công thấp hơn nhiều loại lao động giản đơn khác. Tháng lương vừa mới được cải tiến gần đây thể hiện sự coi trọng cán bộ trong bộ máy đảng và chính quyền hơn chuyên gia khoa học kỹ thuật. Tất cả có chung một hệ quả là không động viên được tính tích cực lao động sáng tạo của người trí thức.

Hiện nay chúng ta đang thiếu những chính sách, chế độ khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật về làm việc tại các cơ sở sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp. Đồng thời các đơn vị đó cũng chưa ý thức đúng mức về nhu cầu chất xám trong việc phát triển sản xuất của mình.

Chính sách bồi dưỡng, đào tạo sau và trên đại học đã bộc lộ những sai lầm dẫn đến hậu quả tai hại. Việc chọn người để đào tạo chỉ dựa trên tiêu chuẩn “có quá trình, có công lao, đã làm việc lâu năm”, ít dựa vào năng lực đã làm hạn chế hiệu quả công việc. Có nhiều trường hợp đào tạo xong thì cũng vừa kịp để chuẩn bị về hưu. Chính sách đào tạo này không cho phép lớp trẻ phát triển tài năng, không có một quy chế phát hiện nhân tài để sớm đào tạo liên tục thành những chuyên gia đầu ngành.

### III - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Cốt lõi của vấn đề trí thức hiện nay là gì ?

Có ý kiến cho rằng : “Cái sai lớn của Đảng và Nhà nước ta đối với trí thức trong thời gian qua vẫn còn là những sai lầm về chính sách quan liêu, mà cụ thể là *chính sách lao động*, đặc biệt đối với *lao động chất xám*. Chúng ta đã làm cho chất xám bị lãng phí và mai một”<sup>(1)</sup>. Sự sai lầm về chính sách trong vấn đề này đúng là một sai lầm lớn, tuy nhiên đó chưa phải là sự sai lầm căn bản nhất, và thực ra sự sai lầm về chính sách cũng chỉ là một trong những hệ quả của một sai lầm căn bản hơn - đó là sự sai lầm về quan điểm. Theo ý chúng tôi sự *không tôn trọng quyền hoàn toàn tự do biểu hiện bản chất cá nhân* là điều sai lầm lớn nhất trong quan điểm và trong chính sách trí thức của chúng ta suốt mấy chục năm qua. Chính từ đây đã đưa đến sự “lãng quên” *nhân tố con người* mà chỉ nhìn trí thức như là *yếu tố kỹ thuật* đơn thuần. Không phải ngẫu nhiên mà chúng ta vẫn thường gọi một cách đồng nhất *trí thức* với *lao động trí óc chất “xám” “cán bộ khoa học kỹ thuật”*, và cũng không phải ngẫu nhiên mà trong xã hội đã hình thành một bộ phận đông đảo trí thức “tròn trịa”, không có bản sắc. Và có điều nghịch lý là trong một bối cảnh mới nhiều người trong giới trí thức mất dần tính chủ động tính độc lập trong tư duy, tính năng động, tính độc đáo trong hoạt động sáng tạo của mình.

Người trí thức không thể chỉ đơn thuần là một yếu tố kỹ thuật. Trí thức là người mà lẽ sống của họ, hoạt động của họ luôn luôn vượt quá phạm vi chuyên môn, để hướng đến những vấn đề chung ở bình diện xã hội - chính trị. Trí thức là người không thể không quan tâm đến đời sống xã hội, không thể không quan tâm đến phần đóng góp của mình vào việc hình thành dư luận xã hội, vào việc xây dựng bầu không khí đạo đức - tinh thần của hội, vào sự phát triển toàn diện của đất nước.

<sup>(1)</sup> Võ Trần Chí. Bài phát biểu tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V. (24-5-1988).

Nếu ở đây chỉ được quyền đưa ra một kiến nghị duy nhất thì chúng tôi sẽ chọn kiến nghị này : công việc trước hết và mấu chốt hơn hết đối với chúng ta là, phải đi tìm một định nghĩa thỏa đáng cho “*người trí thức*”. Điều đó nghe có vẻ “hàn lâm”. Nhưng với tất cả trách nhiệm của mình, chúng tôi cho rằng chừng nào mà chúng ta chưa đạt được một định nghĩa tương đối thỏa đáng, thì chúng ta, vẫn còn tiếp tục sai lầm về quan điểm, và kéo theo đó là sẽ mắc sai lầm trong chủ trương chính sách đối với trí thức.

Dưới đây chúng tôi xin nêu thêm một số ý kiến về chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm mục đích làm gia tăng số lượng, nâng cao chất lượng, phát huy tính tích cực lao động tính tích cực xã hội - chính trị của người trí thức, cũng như nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học kỹ thuật.

- Người trí thức chỉ có thể tồn tại trên tư cách người sáng tạo một khi họ có sự tự do về mặt tư tưởng. Vì vậy một chiến lược khoa học kỹ thuật đúng đắn không thể không gắn liền bởi chính sách tự do tư tưởng, phục hồi tinh thần phê phán, chức năng phản biện, chức năng phát hiện và dự báo của người trí thức; không thể gắn không liền với nền dân chủ trong đời sống xã hội và trong hoạt động khoa học.

- Người trí thức nào cũng là con người xã hội - chính trị. Thế nhưng lâu nay chính sách đối với trí thức chỉ đóng khung hoạt động của họ vào phạm vi phận sự chuyên môn. Chúng tôi nghĩ rằng đã đến lúc cần thu hút đông đảo trí thức, nhất là trí thức ngoài Đảng, vào các tổ chức và hoạt động xã hội - chính trị đa dạng. Điều này sẽ đem lại sự sinh động cho đời sống xã hội và đem lại sức sống cho giới trí thức.

- Trong công tác đào tạo trí thức mới cần xem xét lại và đổi mới các hình thức đào tạo đại học tại chức, đại học ngắn hạn. Thực tế cho thấy các hình thức đào tạo này kém hiệu quả, đem lại ít lợi ích cho nền khoa học, kỹ thuật của đất nước.

- Cần xây dựng kế hoạch đào tạo dựa trên nhu cầu nhân sự do các cơ quan, đơn vị địa phương lập ra, có thông báo đến tổ chức thính quyền và phòng đào tạo của các trường. Phổ biến “địa chỉ” của những nơi có nhu cầu nhân sự để sinh viên định hướng trước đề án tốt nghiệp cho phù hợp, đồng thời để nâng cao tính khả thi của các đề án tốt nghiệp.

- Đối với công tác đào tạo sau và trên đại học, chúng tôi đề nghị xây dựng và phát triển nhanh chóng, rộng rãi hệ cao học. Trước hết là để khắc phục những thiếu sót, những yếu kém của cấp đào tạo đại học trong thời gian qua. Đồng thời là để tạo điều kiện cho những người có năng lực và hiểu học có một con đường rộng rãi để nâng cao trình độ của mình, mặt khác, cần “mềm hóa” chính sách và cơ chế tào tạo. Chẳng hạn cho phép những sinh viên xuất sắc được trình luận văn tốt nghiệp sớm và đưa ngay họ vào diện đào tạo trên đại học.

- Vấn đề hợp tác quốc tế, trao đổi khoa học, đào tạo ở nước ngoài cần được đẩy mạnh, kể cả đào tạo ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trong vấn đề này cần tránh các “đầu mối” trung gian phiền hà gây trì trệ, tiêu cực. Nên giao cho cơ sở quyền chủ động trao đổi trực tiếp với các cơ quan tương ứng của nước ngoài. Để mở rộng sự tiếp xúc với khoa học kỹ thuật thế giới, nên cho phép và tạo điều kiện cho những anh chị em trí thức có quan hệ với thân nhân hoặc các tổ chức khoa học ở nước ngoài đi tham quan, tu nghiệp du học. Nhưng theo chúng tôi, biện pháp tốt nhất là tranh thủ sự giúp đỡ của các nhà bác học, các chuyên gia nước ngoài mở các khóa giảng, các khóa hội thảo, các lớp bồi dưỡng ngay trong nước - kể cả việc nhờ họ đảm nhận những chương trình đào tạo căn chỉnh trên đại học và hướng dẫn các luận án Phó tiến sĩ, Tiến sĩ

Đây là biện pháp tiết kiệm nhất nhanh nhất và hiệu quả nhất để tăng số lượng và nâng cao chất lượng chuyên gia khoa học cho đất nước, thành phố Hồ Chí Minh hoàn toàn có khả năng làm thí điểm theo hướng này.

- Chúng ta cần áp dụng mạnh mẽ biện pháp đào tạo gắn với hoạt động “tác chiến” khoa học kỹ thuật. Tức là phương thức hoàn thành các luận án Phó tiến sĩ và Tiến sĩ qua kết quả công việc. Đây là hình thức rất thiết thực, hiệu quả rất cao và đang chiếm địa vị ưu thế ở nhiều nước tiên tiến trên thế giới.

- Về đầu tư cho khoa học kỹ thuật, chúng tôi cho rằng mức 2% ngân sách quá thấp. Muốn cho cách mạng khoa học kỹ thuật đóng được vai trò then chốt, thì đầu tư cho khoa học kỹ thuật phải tăng nhanh hơn mức tăng thu nhập quốc dân.

- Về cơ chế quản lý khoa học kỹ thuật, nên chuyển cách quản lý các chương trình sang hình thức ký kết hợp đồng, qua biện pháp đấu thầu. Cơ quan “gọi thầu” sẽ thông báo rộng rãi việc tổ chức đấu thầu đề tài nghiên cứu. Bên “đấu thầu” - có thể là cơ quan, tập thể hoặc cá nhân nhà trí thức - sẽ gửi đề án đến, và Hội đồng khoa học chuyên đề sẽ xét chọn các đề án tối ưu. Hên trúng thầu sẽ được ký kết hợp đồng và được cấp kinh phí theo hình thức khoán gọn. Biện pháp này chắc chắn sẽ ưu việt hơn chế độ chỉ định người đảm nhận đề tài và chế độ bao cấp kinh phí, tránh được sự độc quyền, trì trệ, lãng phí. Mặt khác đây cũng là một trong những biện pháp dân chủ hóa hoạt động khoa học kỹ thuật

- Khi nói đến hình thức đấu thầu, tức là đã bắt đầu đụng đến việc vận dụng qui luật giá trị đối với chất xám và tính chất hàng hóa của sản phẩm khoa học. Vì vậy cần mở ra một thị trường khoa học, khuyến khích và mở rộng việc mua bán các thành tựu kỹ thuật. Kinh nghiệm của Tiệp Khắc cho thấy, đến nay 80% những người hoạt động khoa học kỹ thuật (trong tổng số 196.000 người) không còn cần nhận kinh phí hoặc tài trợ của chính phủ. Theo chiều hướng như vậy, chúng ta thấy dần dần sẽ hình thành và phát triển những đơn vị khoa học kỹ thuật độc lập về mặt tổ chức-tài chính đối với Nhà nước. Các đơn vị này có thể là tập thể hoặc tư nhân. Như vậy, sẽ có một bộ phận trí thức ngày càng đông mà hoạt động của họ dần dần sẽ trở lại mang tính chất “nghề tự do” của nó. Đây là một xu hướng cần khuyến khích để lấy lại tính năng động vốn có của hoạt động khoa học kỹ thuật.

- Cái lôgic của luận điểm về thị trường khoa học kỹ thuật buộc chúng ta phải nghĩ đến “Ngân hàng khoa học kỹ thuật”, nơi mà những người làm khoa học có thể vay tiền để làm kinh phí nghiên cứu, hoặc để kinh doanh khoa học kỹ thuật.

- Đề nghị cho phép hình thành những “cơ sở khoa học kỹ thuật tự quản”. Chẳng hạn, các bác sĩ ngành y có thể lập các bệnh viện, phòng khám bệnh, trạm y tế hoạt động theo phương thức hợp tác hoặc cá thể. Cũng vậy, người dược sĩ được quyền sản xuất thuốc chữa bệnh. Tiềm năng về dược phẩm và thuốc bí truyền của chúng ta rất to lớn. Nếu được khai thác đúng hướng và đúng mức bằng một cơ chế thoáng, sẽ giải quyết được một phần tình trạng khó khăn gay gắt về thuốc chữa bệnh hiện nay, và đồng thời tránh cho những kho tàng quý báu về kiến thức và kinh nghiệm, y dược bị mai một, thất truyền.

- Về chính sách tiền lương, nên tách thang lương khoa học ra khỏi thang lương hành chính sự nghiệp. Đồng thời, trong thang lương khoa học nên thể hiện quan điểm coi trọng các chuyên gia thuần túy làm công tác nghiên cứu khoa học chứ không nên

(xem tiếp trang 46)